

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-PT
Ngày 21-01-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất và di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Thẩm phán: Ông Vi Đức Trí và ông Hồ Đức Châm

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2021/TLPT-DS, ngày 22-11-2021 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST, ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2021/QĐ-PT, ngày 15-12-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐ-PT, ngày 11-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn K; địa chỉ: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn anh Hà Văn K: Ông Bé Quang H và ông Chu Thế V, Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

- Bị đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Ngô Thị H: Ông Đặng Thành T; địa chỉ: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 22-5-2020); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Phương T, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo Quyết định số 3820/QĐ-UBND ngày 12-8-2021 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự); vắng mặt.

2. Chị Hoàng Thị T;

3. Anh Hà Mạnh C;

Cùng địa chỉ: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

4. Chị Hà Thị P;

5. Chị Hà Thị C;

Cùng địa chỉ: Khu xxx, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

6. Chị Hà Thị B; địa chỉ: Khu xxx, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Chị Hà Thị N; địa chỉ: Khu xxx, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

8. Anh Bé Văn Đ;

9. Bà Hà Thị S;

10. Chị Vương Thị Y;

Cùng địa chỉ: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Ngô Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo lời trình bày của đương sự và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định: Diện tích đất tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H là 45,94m² thuộc một phần thửa đất số 111 và một phần thửa đất số 112 cùng tờ bản đồ số 9a, Bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2000 (gọi tắt là Bản đồ năm 2000) nay là một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 9a Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn chỉnh lý năm 2016 (gọi tắt là Bản đồ năm 2016). Trong đó, trên phần diện tích 45,17m² có 01 nhà ở cấp IV loại 3E, 01 bể nước, sân bê tông và tường rào do gia đình anh Hà Văn K tạo dựng; phần diện tích 0,77m² không có tài sản trên đất và nằm bên ngoài tường rào mà gia đình anh Hà Văn K xây dựng; quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Hà Văn K đã rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 0,77m² đất phía ngoài tường rào.

Theo nguyên đơn anh Hà Văn K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là do

bố anh (ông Hà Văn V) nhận chuyển nhượng với bà Hà Thị S vào năm 1983 nhưng đến ngày 10-8-1984 hai bên viết Giấy nhượng đất; theo đó diện tích đất chuyển nhượng có cạnh dài rộng 18m x 19m. Theo Bản đồ đo đạc năm 2000, diện tích đất nhận chuyển nhượng thuộc một phần các thửa đất số 111, 112 và thửa 113 cùng tờ bản đồ số 9a nay là thửa đất số 169 và thửa 168 tờ bản đồ số 9a Bản đồ năm 2016. Sau khi nhận chuyển nhượng, năm 1984 gia đình anh đã xây dựng 01 ngôi nhà trình tường trên một phần diện tích đất và quản lý sử dụng từ đó cho đến nay; năm 2012-2013 gia đình anh tiếp tục xây dựng nhà bếp, bể nước, sân bê tông, tường rào. Tháng 5-2019, bà Ngô Thị H khởi kiện buộc gia đình anh tháo dỡ bếp, bể nước để trả lại đất cho bà Ngô Thị H nhưng do bà Ngô Thị H không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã đình chỉ việc giải quyết vụ án. Do có sự tranh chấp đất nên đến nay gia đình anh không thực hiện được các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Vì vậy, anh Hà Văn K khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất đang tranh chấp.

Về phía bị đơn là bà Ngô Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã gửi, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Ngô Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H là ông Đặng Thành T. Bà Ngô Thị H và ông Đặng Thành T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án; không nộp (gửi) bản khai và tài liệu chứng cứ liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp. Tại biên bản làm việc lập ngày 03-8-2021 có nội dung: Bà Ngô Thị H đến Tòa án và trình bày “*đất tranh chấp là của bà Ngô Thị H mua với bà Lường Thị B, anh Hà Văn K không có quyền khởi kiện*” rồi bỏ về không ký biên bản. Ngày 28-9-2021, Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm vợ và các chị em của nguyên đơn là: Anh Hà Mạnh C, chị Hà Thị P, chị Hà Thị C, chị Hà Thị B, chị Hà Thị N và chị Hoàng Thị T trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Hà Văn V và bà Lưu Thị T quản lý sử dụng từ năm 1983-1984; năm 2013 bà Lưu Thị T chết, năm 2017 ông Hà Văn V chết, khi chết cả hai không để lại di chúc. Diện tích đất tranh chấp hiện nay do anh Hà Văn K và anh Hà Mạnh C tiếp tục quản lý sử dụng còn 04 người con gái đã lấy chồng và ra ở riêng. Các chị em của anh Hà Văn K đều thống nhất để anh Hà Văn K có toàn quyền quản lý, sử dụng và quyền quyết định đối với diện tích đất tranh chấp; đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị S và con trai là anh Bé Văn Đ, con dâu là chị Vương Thị Y trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của bà Hà Thị S chuyển nhượng lại cho gia đình ông Hà Văn V vào năm 1984, hai bên có lập giấy nhượng đất nhưng thực tế ông Hà Văn V không phải trả tiền vì là họ hàng nên cho nhau đất. Năm 2008, Nhà nước nâng cấp đường Quốc lộ 4B, gia đình anh Hà Văn K bị thu hồi một phần diện tích đất và đã được Nhà nước bồi thường. Khi Nhà nước làm đường, gia đình ông Hà Văn V và một số hộ liền kề đã đồng ý để đơn vị thi công mức đất nên thửa đất mới có hiện

trạng như hiện nay. Bà Hà Thị S, anh Bé Văn Đ và chị Vương Thị Y xác định không có quyền lợi liên quan gì đến diện tích đất tranh chấp.

Người làm chứng, chị Nông Thị T trình bày: Chị là con gái của bà Lương Thị B, diện tích đất hiện đang tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H là do bà Hà Thị S khai phá; không phải đất của bà Lương Thị B. Gia đình anh Hà Văn K quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1983 đến nay.

Người làm chứng, ông Tăng Thanh B trình bày: Ông là hàng xóm của anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H. Gia đình anh Hà Văn K đã sinh sống trên thửa đất có diện tích đang tranh chấp từ năm 1983 đến nay. Bà Ngô Thị H có mảnh đất tiếp giáp phía sau thửa đất của gia đình anh Hà Văn K, khoảng năm 1990 bà Ngô Thị H sinh sống ở Quảng Ninh cho đến năm 2009 mới trở về sinh sống tại thôn N và xảy ra việc tranh chấp đất với một số hộ liền kề.

Theo thông tin, tài liệu do UBND huyện L và UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thể hiện: Một phần diện tích thửa đất số 111, 112, 113 tờ bản đồ địa chính số 9a Bản đồ năm 2000 nay là thửa đất số 168, 169 tờ bản đồ số 09a Bản đồ năm 2016. Theo biên bản giao nhận diện tích được lập theo Bản đồ năm 2000 thể hiện: Thửa 112 có diện tích 212,4m² quy chủ ông Hà Văn V (bố của nguyên đơn Hà Văn K); thửa 111 có diện tích 188,8m² và thửa 113 có diện tích 88,6m² đều do anh Bé Văn Đ (con trai bà Hà Thị S) đứng tên quy chủ. Theo sổ mục kê đất đai được lập theo Bản đồ năm 2016, thửa 168 quy chủ hộ ông Hà Văn V (bố của nguyên đơn Hà Văn K) và thửa 169 quy chủ hộ anh Hà Mạnh C (em trai của nguyên đơn Hà Văn K); hiện nay gia đình anh Hà Văn K quản lý, sử dụng thửa 168, 169 tờ bản đồ 09a Bản đồ năm 2016. Diện tích đất tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H thuộc một phần thửa 169 tờ bản đồ số 09a Bản đồ năm 2016. Đối chiếu Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện L giai đoạn 2021 - 2030, thửa đất số 169 tờ bản đồ 09a Bản đồ năm 2016 được quy hoạch là đất ở đô thị, được phép cấp GCNQSDĐ cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật. Hiện nay chưa có cá nhân, hộ gia đình nào kê khai cấp GCNQSDĐ đối với thửa 112 tờ Bản đồ 09a Bản đồ năm 2000 cũng như thửa 169 tờ bản đồ 09a Bản đồ năm 2016. Bà Ngô Thị H đứng tên quy chủ đối với thửa đất số 03 tờ bản đồ 9c Bản đồ năm 2000 (nay là thửa 152, 153 tờ Bản đồ 9c Bản đồ năm 2016) có vị trí liền kề khu vực đất tranh chấp. Chị Nông Thị T (con gái bà Lương Thị B) đứng tên quy chủ đối với thửa 117 tờ bản đồ 9a nay Bản đồ năm 2000 nay là một phần các thửa 170, 171, 172, 173, 174 tờ bản đồ 09a Bản đồ năm 2016. Lần đầu UBND thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nhận được ý kiến phản ánh việc tranh chấp đất giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H là vào tháng 12-2018. Ngày 02-12-2021, UBND thị trấn N tiếp tục nhận được ý kiến của bà Ngô Thị H về việc anh Hà Văn K xây dựng công trình trên diện tích đất tranh chấp nên UBND thị trấn N đã lập biên bản yêu cầu anh Hà Văn K dừng xây dựng.

Với nội dung như trên, Bản án sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1, 2

Điều 26, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; căn cứ các Điều 160, 161, 163, 164, 166, 189, 221 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 165, 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Hà Văn K về việc đòi quyền quản lý, sử dụng 0,77m² đất thuộc một phần thửa đất số 169 (ký hiệu thửa tạm số 169.3) tờ bản đồ số 9a, Bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2016; địa chỉ: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn K. Anh Hà Văn K được quyền quản lý, sử dụng 45,17m² đất thuộc một phần thửa đất số 169 (ký hiệu thửa tạm số 169.1), tờ bản đồ số 9a, Bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2016; địa chỉ: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được sở hữu tài sản trên đất gồm 01 nhà ở cấp IV loại 3E, 01 bể nước, 01 sân bê tông và tường rào.

3. Anh Hà Văn K có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Buộc bà Ngô Thị H chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất nêu tại mục (2).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn công nhận sự tự nguyện của anh Hà Văn K về việc tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Trong thời hạn luật định, bị đơn là bà Ngô Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm với lý do: Giấy nhượng đất giữa ông Hà Văn V và bà Hà Thị S không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Vợ chồng ông Hà Văn V đều đã chết và không để lại di chúc nên không có căn cứ xác định anh Hà Văn K được quyền quản lý sử dụng đất. Bản án ghi xét xử vắng mặt bị đơn là không đúng pháp luật. Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đã chặt phá hoa màu do bà Ngô Thị H trồng, làm bà Ngô Thị H bị thiệt hại ước tính 100.000.000 đồng. Vì vậy, bà Ngô Thị H yêu cầu:

Hủy Bản án sơ thẩm, đề nghị chuyển vụ án sang hình sự; yêu cầu xử lý Thẩm phán, Kiểm sát viên và 02 Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh Hà Văn K; yêu cầu bồi thường công dân theo Nghị định 124/2000.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Ngô Thị H trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H thuộc thửa đất số 03 tờ Bản đồ 9a, 9c do bà nhận chuyển nhượng với bà Lương Thị B vào năm 1985, đến năm 1987 hai bên mới viết giấy chuyển nhượng đất; đến nay bà chưa cung cấp giấy chuyển nhượng này cho Tòa án; nội dung giấy chuyển nhượng không có diện tích cụ thể nhưng có 03 gốc tre làm ranh giới, có cạnh tiếp giáp với đất của bà Hà Thị S, bà S1. Năm 1984, gia đình ông Hà Văn V có đến dựng ngôi nhà trình tường và sinh sống ở đó nhưng vị trí nhà trình tường gần đường Quốc lộ và đã bị Nhà nước tháo dỡ, thu hồi đất để

làm đường vào năm 2008. Năm 2012, gia đình anh Hà Văn K xây dựng bể nước, chuồng gà, làm sân và xây tường rào trên phần diện tích đất mà bà đã nhận chuyển nhượng với bà Lương Thị B nên năm 2018 bà yêu cầu UBND giải quyết việc tranh chấp đất với gia đình anh Hà Văn K. Ngoài ra, năm 2010 bà cũng gửi đơn yêu cầu UBND giải quyết việc tranh chấp đất giữa bà và các hộ gia đình bà Nông Thị T, ông Nông Văn C, ông Hoàng Văn L, ông Vi Văn Đ. Khi Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà không có nhà; khi về thì phát hiện một số cây sắn do bà chồng đã bị chặt phá nên bà báo Trưởng thôn và Công an viên đến lập biên bản. Sau khi nhận được Bản án, bà đã nhờ ông Đặng Thành T viết đơn kháng cáo; nội dung đơn kháng cáo thể hiện đúng ý kiến của bà. Nay bà tiếp tục ủy quyền cho ông Đặng Thành T tham gia tố tụng để giải quyết việc tranh chấp đất giữa bà với anh Hà Văn K.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H là ông Đặng Thành T trình bày: Ông đồng ý nhận ủy quyền của bà Ngô Thị H để giải quyết việc tranh chấp đất giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H. Ông và bà Ngô Thị H biết việc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp đất giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H nhưng ông và bà Ngô Thị H không đến Tòa án. Việc ông và bà Ngô Thị H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án đã được ông báo với lãnh đạo Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình và Lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình. Do không đồng ý với Bản án sơ thẩm nên bà Ngô Thị H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử Hủy Bản án sơ thẩm; xử lý Thẩm phán, Kiểm sát viên và 02 Luật sư bảo vệ quyền lợi cho anh Hà Văn K; chuyển vụ án sang hình sự; yêu cầu bồi thường thiệt hại hoa màu cho bà Ngô Thị H; yêu cầu anh Hà Văn K tháo dỡ công trình để trả lại đất tranh chấp cho bà Ngô Thị H vì những lý do sau: Giấy chuyển nhượng đất giữa ông Hà Văn V và bà Hà Thị S không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương; bố mẹ anh Hà Văn K chết không để lại di chúc; Bản án hành chính phúc thẩm số 327/2018/HC-PT ngày 09-8-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao đã xử hủy Quyết định hành chính số 571/2016 của Chủ tịch UBND huyện L và Quyết định số 1502/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn. Do đó, có căn cứ xác định anh Hà Văn K không có quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp nên anh Hà Văn K không có quyền khởi kiện. Kiểm sát viên và Thẩm phán sơ thẩm không điều tra rõ ràng, biết sai nhưng vẫn làm, ban hành Bản án trái pháp luật; 02 Luật sư xúi bẩy anh Hà Văn K khởi kiện. Quá trình xem xét thẩm định đã chặt phá hoa màu của bà Ngô Thị H.

Anh Hà Văn K trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do bố anh nhận chuyển nhượng với bà Hà Thị S và gia đình anh quản lý sử dụng từ năm 1983 đến nay. Năm 1984 dựng nhà trình tường; năm 2008-2009 tiến hành san ủi và xây dựng 01 ngôi nhà kiên cố trên một phần diện tích đất nhận chuyển nhượng; năm 2012 tiếp tục xây bếp, bể nước và tường rào. Trước khi xây tường rào, gia đình anh đã mời cán bộ địa chính đến cắm mốc để xác định ranh giới thửa đất của gia đình anh và anh đã xây tường rào theo ranh giới đó. Anh xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình anh. Gia đình anh

không được chặt phá hoa màu của bà Ngô Thị H. Anh Hà Văn K không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Hà Văn K trình bày: Đây là vụ án tranh chấp dân sự, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và Luật sư thực hiện theo quy định của pháp luật. Bà Ngô Thị H không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Việc bố mẹ anh Hà Văn K chết không để lại di chúc không đồng nghĩa với việc anh Hà Văn K không được hưởng tài sản của bố mẹ. Bản án hành chính phúc thẩm số 327/2018/HC-PT ngày 09-8-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã hủy quyết định hành chính và đến nay diện tích đất tranh chấp chưa được giao cho cá nhân hộ gia đình nào. Vì vậy, anh Hà Văn K có quyền khởi kiện và Quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm 06/2021/DS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn: Đồng ý với ý kiến của anh Hà Văn K.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bà Hà Thị S và chị Vương Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Hà Thị S và chị Vương Thị Y là đúng quy định của Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét nội dung kháng cáo:

Đất tranh chấp có diện tích 45,17m² thuộc một phần thửa 169 tờ bản đồ số 9a Bản đồ năm 2016, trước đây là thửa 112 tờ bản đồ số 9a Bản đồ địa chính năm 2000; địa chỉ thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; chưa được cấp GCNQSDĐ.

Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, đất tranh chấp do bà Hà Thị S quản lý, sử dụng trước năm 1983, sau đó chuyển nhượng cho ông Hà Văn V bố anh Hà Văn K. Sau khi nhận đất gia đình anh Hà Văn K đã xây nhà trình tường, san ủi đất, xây nhà kiên cố, nhà bếp, bể nước.... và sử dụng từ khi nhận đất cho đến cuối năm 2018 đầu năm 2019 thì xảy ra tranh chấp với bà Ngô Thị H. Theo Bảng giao nhận diện tích và sổ mục kê thể hiện, thửa 112 tờ bản đồ 9a Bản đồ năm 2000 quy chủ sử dụng là ông Hà Văn V (nay là thửa 169 Bản đồ năm 2016 quy chủ sử dụng là Hà Mạnh C); thửa số 03 tờ bản đồ 9c Bản đồ năm 2000 (nay là thửa 152 và 153 tờ bản đồ 9c Bản đồ năm 2016) quy chủ sử dụng là bà Ngô Thị H. Thửa đất số 03, tờ bản đồ số 9c, Bản đồ năm 2000 do bà Ngô Thị H đứng tên quy chủ sử dụng, có một phần tiếp giáp phần đất tranh chấp hiện nay. Bà Ngô Thị H

không quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Việc quản lý, sử dụng đất của gia đình anh Hà Văn K, bà Ngô Thị H được các hộ dân có đất giáp ranh như bà Hà Thị S, anh Bé Văn Đ, chị Nông Thị T xác nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Ngô Thị H không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ngoài lời trình bày của mình bà Ngô Thị H không đưa ra được căn cứ chứng minh diện tích đất tranh chấp là do bà nhận chuyển nhượng với bà Lương Thị B. Mặt khác, chị Nông Thị T và bà Hà Thị S khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp không phải của bà Lương Thị B mà của bà Hà Thị S. Bà Ngô Thị H cho rằng việc tranh chấp đất đã được giải quyết bằng Bản án hành chính phúc thẩm số 327/2018/HC-PT ngày 09-8-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Tuy nhiên, Bản án hành chính phúc thẩm số 327/2018/HC-PT ngày 09-8-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chỉ giải quyết đối với quyết định hành chính liên quan đến thửa đất số 117, không liên quan đất tranh chấp hiện nay.

Từ những căn cứ trên xác định, gia đình anh Hà Văn K có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp phù hợp với lời khai người liên quan, người làm chứng; được ký nhận theo Bảng giao nhận diện tích năm 2000 và sổ mục kê đất đai thị trấn N. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật, không có vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn K là có căn cứ. Do đó, bà Ngô Thị H kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình. Đề nghị miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị H theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm bà Phạm Thị Phương T là người đại diện hợp pháp của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn và anh Bé Văn Đ vắng mặt nhưng đều đã có lời khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Hà Thị S và chị Vương Thị Y vắng mặt không có lý do nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nói trên.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Ngô Thị H nộp 01 bản Hợp đồng ủy quyền lập ngày 25-10-2020, giữa bà Ngô Thị H và ông Đặng Thành T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ngô Thị H tiếp tục ủy quyền cho ông Đặng Thành T tham gia tố tụng và ông Đặng Thành T đồng ý nhận ủy quyền. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông Đặng Thành T tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H trong vụ án này.

[3] Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Đương sự phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; được tiếp cận tài liệu chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

[4] Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm như sau: Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của Bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[6] Diện tích đất tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H là 45,94m² thuộc một phần thửa đất số 111 và một phần thửa đất số 112 cùng tờ bản đồ số 9a, Bản đồ năm 2000; nay là một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 9a Bản đồ năm 2016. Trong đó, trên phần diện tích 45,17m² có 01 nhà ở cấp IV loại 3E, 01 bể nước, 01 sân bê tông và tường rào do gia đình anh Hà Văn K tạo dựng; phần diện tích 0,77m² không có tài sản trên đất và nằm bên ngoài tường rào mà anh Hà Văn K đã xây.

[7] Trước khi Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình thụ lý vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất theo đơn khởi kiện của anh Hà Văn K đối với bà Ngô Thị H, bà Ngô Thị H đã 02 lần khởi kiện anh Hà Văn K cùng một số cá nhân khác. Vụ án do bà Ngô Thị H đứng đơn khởi kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết theo điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự (do nguyên đơn không nộp chi phí tố tụng) và Tòa án nhân dân cấp cao đã thụ lý giải quyết phúc thẩm, kết quả giữ nguyên quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H cung cấp Bản án hành chính phúc thẩm số 327/2018/HC-PT ngày 09-8-2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Xét thấy, nội dung của Bản án hành chính nói trên giải quyết các Quyết định hành chính liên quan đến thửa đất số 117 tờ bản đồ 09a Bản đồ năm 2000. Các đương sự thừa nhận, đến nay Cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành văn bản, Quyết định liên quan đến quyền quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định, hiện nay diện tích đất tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H chưa

được giải quyết bằng Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

[9] Do các bên tranh chấp với nhau về việc ai được quyền quản lý, sử dụng đất và diện tích đất đang tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H yêu cầu anh Hà Văn K tháo dỡ công trình trên đất, trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà Ngô Thị H. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[10] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã gửi Thông báo thụ lý và nhiều lần triệu tập bị đơn là bà Ngô Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H là ông Đặng Thành T nhưng bà Ngô Thị H và ông Đặng Thành T không có mặt theo Giấy triệu tập, Thông báo của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng do bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được. Sau khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều vắng mặt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là bà Ngô Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H là ông Đặng Thành T cùng một số đương sự, người tham gia tố tụng khác là không trái với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Ngô Thị H cung cấp biên bản chặt cành sắn đề ngày 06-7-2021. Tuy nhiên, nội dung biên bản này không thể hiện việc anh Hà Văn K hay thành viên gia đình anh Hà Văn K chặt hoa màu (cành cây sắn) do bà Ngô Thị H trồng.

[12] Bà Ngô Thị H cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do bà nhận chuyển nhượng với bà Lường Thị B nhưng ngoài lời trình bày của mình, bà Ngô Thị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Bên cạnh đó, theo lời trình bày của bà Ngô Thị H cho thấy, vị trí, diện tích đất nhận chuyển nhượng giữa bà Ngô Thị H và bà Lường Thị B không cụ thể, không rõ ràng. Mặt khác, chị Nông Thị T (là con gái bà Lường Thị B) khẳng định diện tích đất tranh chấp không phải là của bà Lường Thị B. Vì vậy, không có căn cứ xác định nguồn gốc đất tranh chấp là do bà Ngô Thị H nhận chuyển nhượng với bà Lường Thị B.

[13] Bản đồ địa chính là tài liệu thể hiện các thửa đất và các yếu tố địa lý có liên quan, lập theo đơn vị hành chính xã phường thị trấn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Tất cả các thửa đất trên Bản đồ địa chính được phân biệt bởi các chủ sử dụng đất khác nhau đều vẽ bằng đường viền khép kín.

Biên bản giao nhận diện tích là tài liệu kèm theo khi thực hiện việc đo đạc Bản đồ; việc ghi tên, ký nhận tại Biên bản giao nhận diện tích thể hiện các hộ gia đình, cá nhân xác nhận thửa đất được đo đạc thể hiện trên Bản đồ là đất của gia đình mình quản lý.

[14] Căn cứ lời khai của các đương sự, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và tài liệu chứng cứ do UBND thị trấn N, UBND huyện L cung cấp; Hội đồng xét xử thấy có căn cứ để xác định: Diện tích đất tranh chấp giữa anh Hà Văn K và bà Ngô Thị H là 45,94m² thuộc một phần thửa đất số 111 và một phần thửa đất số 112 cùng tờ bản đồ số 9a Bản đồ năm 2000 nay là một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 9a Bản đồ năm 2016. Theo biên bản giao nhận diện tích được lập theo Bản đồ 2000 thể hiện: Anh Bế Văn Đ (con trai bà Hà Thị S) đứng tên quy chủ đối với thửa 111 và ông Hà Văn V (bố của nguyên đơn Hà Văn K) đứng tên quy chủ đối với thửa 112. Theo sổ mục kê đất đai được lập theo Bản đồ 2016, anh Hà Mạnh C (em trai của nguyên đơn Hà Văn K) đứng tên quy chủ đối với thửa 169. Bà Ngô Thị H đứng tên quy chủ đối với thửa đất số 03 tờ bản đồ 9c Bản đồ năm 2000 (nay là thửa 152, 153 tờ Bản đồ 9c Bản đồ năm 2016). Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Ngô Thị H là người đứng tên chủ sử dụng đất đối với thửa đất có liên quan đến diện tích đất tranh chấp nói trên.

[15] Theo tài liệu kiểm đếm, thu hồi đất và tài sản trên đất để thực hiện dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 4B ngày 11-12-2006 đối với hộ ông Hà Văn V không thể hiện diện tích đất mà gia đình ông Hà Văn V bị thu hồi có công trình vật kiến trúc trên đất. Vì vậy, việc bà Ngô Thị H trình bày vị trí nhà trình tường mà ông Hà Văn V tạo dựng vào năm 1984 ở gần đường Quốc lộ 4B và đã bị Nhà nước thu hồi khi làm đường là không có căn cứ.

[16] Mặc dù Giấy nhượng đất lập ngày 10-8-1984 giữa bà Hà Thị S và ông Hà Văn V không có người làm chứng, không có xác nhận của chính quyền địa phương nhưng có căn cứ khẳng định diện tích đất tranh chấp được gia đình anh Hà Văn K quản lý, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1984 (thời điểm trước khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành) đến năm 2018 mới phát sinh tranh chấp, bởi lẽ: Quá trình quản lý, sử dụng đất, gia đình anh Hà Văn K đã nhiều lần cải tạo đất và xây dựng công trình trên đất như: Năm 1984 dựng nhà trình tường; năm 2008-2009 dỡ nhà trình tường, san ủi đất và xây nhà kiên cố; năm 2012-2013 tiếp tục xây dựng nhà bếp, bể nước, sân bê tông và tường rào. Bà Ngô Thị H thừa nhận, năm 2012 cán bộ địa chính đã xác định mốc giới thửa đất để gia đình anh Hà Văn K xây dựng tường rào nhưng đến cuối năm 2018 mới phát sinh tranh chấp. Vì vậy, lời khai của anh Hà Văn K về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác cùng tài liệu quản lý đất đai mà cơ quan chuyên môn đã cung cấp.

[17] Bà Ngô Thị H không chứng minh được việc bà quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp. Đối với nội dung làm chứng của ông Lê Chiêu V mà bà Ngô Thị H cung cấp không liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp và không phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên không được Hội

đồng xét xử chấp nhận.

[18] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; đúng, đủ thành phần tham gia tố tụng; thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn K và xác định anh Hà Văn K có quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tranh chấp là có căn cứ.

[19] Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm không kịp thời thông báo cho các đương sự về các tài liệu chứng cứ thu thập được nhưng điều đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị H và các đương sự khác. Bởi lẽ, Tòa án cấp sơ thẩm đã phô tồ tài liệu theo yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị H và tổng đạt Bản án cho các đương sự theo quy định.

[20] Do Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, việc bà Ngô Thị H yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm; buộc anh Hà Văn K tháo dỡ công trình, trả lại đất cho bà Ngô Thị H là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Những yêu cầu khác của bà Ngô Thị H không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[21] Đề nghị bác kháng cáo của bà Ngô Thị H mà nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát đưa ra là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[22] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Ngô Thị H không được chấp nhận nên bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Ngô Thị H thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị H.

[23] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 28-9-2021 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ và các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 189, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Hà Văn K về việc đòi quyền quản lý, sử dụng 0,77m² đất thuộc một phần thửa đất số 169 tờ bản đồ số 9a Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc chính lý năm 2016; địa chỉ thửa đất: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích đất nêu tại mục 1 có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh thể hiện bởi hình vẽ nối các điểm A7-A6-A5-A4-B3-A7 (ký hiệu 169.3), thể hiện tại Trích đo và phụ lục trích đo khu đất kèm theo Bản án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Văn K

2.1 Anh Hà Văn K được quyền quản lý, sử dụng 45,17m² đất thuộc một phần thửa đất số 169, tờ bản đồ số 9a Bản đồ địa chính thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc chính lý năm 2016; địa chỉ thửa đất: Thôn N - N1, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Diện tích đất nêu tại mục 2.1 có tứ cận tiếp giáp và độ dài các cạnh được thể hiện bằng hình vẽ nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A1 (ký hiệu 169.1), thể hiện tại Trích đo và phụ lục trích đo khu đất kèm theo Bản án.

2.2 Anh Hà Văn K được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất đã nêu tại mục 2.1.

2.3. Anh Hà Văn K có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nêu tại mục 2.1 theo quy định của Luật Đất đai.

2.4. Buộc bà Ngô Thị H chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất đã nêu tại mục 2.1.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Hà Văn K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 12.523.000 (mười hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn) đồng. Anh Hà Văn K đã nộp đủ và chi trả toàn bộ số tiền nói trên.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí sơ thẩm: Anh Hà Văn K tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền nói trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh Hà Văn K đã nộp theo biên lai số AA/2015/0001518 ngày 04-6-2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn; hoàn trả anh Hà Văn K 1.035.000 (một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

4.2. Về án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- HCTP; P.KTNV&THA;
- TAND h. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CC THADS h. L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Thùy